Mẫu VAQ09-01

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Số(N^0): 1527/VAQ09 - 01/22 - 00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ô TÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR AUTOMOBILES

Cấp theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số: 1556/22/AH Ngày: 24.08.2022
Pursuant to the Technical document N^0 *Date*

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 09 : 2015/BGTVT
Standard, regulation applied ---

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số: 60033/01/02/22/01 Ngày: 23.02.2022
Pursuant to the results of C.O.P examination Report N^0 *Date*

Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra/thử nghiệm số: 1028/22/BC Ngày: 18.08.2022
Pursuant to the results of Test Report N^0 --- *Date* ---

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe *(Vehicle type)*: **Ô tô tải (có mui)**
Nhãn hiệu *(Mark)*: **UD TRUCKS** Số loại *(Model code)* **UD TRUCKS QUESTER CDE 280 CDE62TR 08MJ/VN-TMB**
Mã số khung *(Frame number code)*: **JPCZZ50C****
Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*: **9.670** kg
Phân bố lên: - Trục trước *(on front)*: **4.480** kg - Trục sau *(on rear)*: **5.190** kg
Số người cho phép chở kể cả người lái *(Seating capacity including driver)*: **02** người
Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế *(Design pay load)*: **14.200** kg
Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông *(Authorized pay load)*: **14.200** kg
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế *(Design total mass)*: **24.000** kg
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông *(Authorized total mass)*: **24.000** kg
Phân bố lên: - Trục trước *(on front)*: **6.620** kg - Trục sau *(on rear)*: **17.380** kg
Khối lượng kéo theo theo thiết kế/ cho phép tham gia giao thông *(Towed mass)*: **---/---** kg
Kích thước xe: Dài x Rộng x Cao *(Overall: length x width x height)*: **11.470 x 2.500 x 3.600** mm
Khoảng cách trục *(Wheel Spase)*: **5.600 + 1.370** mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*: **6 x 2**
Kiểu động cơ *(Engine model)*: **GH8E 280 EUV** Loại *(Type)*: **4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng, tăng áp**
Thể tích làm việc *(Displacement)*: **7.698** cm^3
Công suất lớn nhất/ tốc độ quay *(Max. output/ rpm)*: **206 kW/ 2.200 vòng/ phút**
Loại nhiên liệu *(Fuel)*: **Diesel**
Cỡ lốp *(Tyre size)*: Lốp trước *(front tyre)*: **11.00R20** Lốp sau *(rear tyre)*: **11.00R20**
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: **Công ty TNHH cơ khí ô tô Việt Nhật**
(Name and address of manufacturer) Số 01, Quốc lộ 1A, KCN Bàu Xéo, X. Đồi 61, H. Trảng Bom, T. Đồng Nai
Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp: **Công ty TNHH cơ khí ô tô Việt Nhật**
(Name and address of assembly plant) Số 01, Quốc lộ 1A, KCN Bàu Xéo, X. Đồi 61, H. Trảng Bom, T. Đồng Nai

Kiểu loại xe nói trên phù hợp với QCVN 09 : 2015/BGTVT
The motor vehicle type is in compliance with the QCVN 09 : 2015/BGTVT

Ghi chú:
- Vết xe bánh trước/ sau: **2.026/ 1.835 mm**
- Hệ thống lái: Trục vít - ê cu bi
  Cơ khí có trợ lực thuỷ lực
- Hệ thống phanh:
  Phanh chính: Tang trống/Tang trống
  Khí nén
  Phanh đỗ: Tác động lên bánh xe trục 1 và 2
  Tự hãm
- Số lượng lốp trục I/II/III/IV/V: **02/04/04/---/---**
- Kích thước lòng thùng hàng/thùng xe: **9.100 x 2.350 x 760/2.150 mm**
- Hàng năm, giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá

Ngày 29 tháng 08 năm 2022 (Date)
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
Vietnam Register
General Director
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM – BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Nguyễn Văn Phương